

**LUÂN CANH TRÊN NƯƠNG RẦY, NGHI THỨC CỦA NGƯỜI BRU - VÂN KIỀU TRONG TRUYỆN CỔ**

Nhận bài:

15 – 04 – 2020

Chấp nhận đăng:

10 – 09 – 2020

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Đàm Nghĩa Hiếu

**Tóm tắt:** Người Bru - Vân Kiều là cư dân vùng núi cao, sống bằng nông nghiệp nương rẫy. Truyện cổ của họ kể về phương thức luân canh của tổ tiên như một nghi thức. Đó là sự thỏa thuận giữa tộc người với thế giới tự nhiên, vì hiện hữu bền vững. Trong tâm thức Bru - Vân Kiều, nương rẫy là hình chiếu của vũ trụ, nó vừa là đơn vị không gian, vừa là đơn vị thời gian. Người Bru - Vân Kiều thực hành nông nghiệp nương rẫy qua bốn khâu: chọn đất, đốt rẫy; chọc lỗ, tra hạt; làm cỏ; thu hoạch. Tương ứng là các nghi thức chọn đất rẫy, chọn ngày đốt rẫy, nghi thức khai rẫy, nghi thức tria hạt, nghi thức cầu mưa và các nghi thức về Mẹ lúa. Họ thực hành các nghi thức nông nghiệp sơ khai với ý niệm phồn thực, ở đó, hành vi lễ tiết chưa tách khỏi hoạt động lao động, mà thấm vào quy cách, tư thế, động tác lao động.

**Từ khóa:** luân canh; nương rẫy; nghi thức; Bru - Vân Kiều; truyện cổ.

**1. Mở đầu**

Các tộc người Đông Nam Á từ xa xưa đến nay có ba loại hình trồng lúa chính, đó là lúa nước trồng trên đồng ruộng, lúa nước trồng trên đồi núi (ruộng bậc thang) và lúa khô trồng trên nương rẫy. Ở vùng đồng bằng châu thổ, lúa nước độc tôn; ở vùng núi cao xếp lớp, lúa rẫy là định mệnh; riêng vùng núi với những quả núi tròn bao quanh thung lũng, người ta làm ruộng nước ở chân núi và rẫy khô ở triền dốc (Nguyễn, 2003, 629); lại có phương thức làm lúa nước trên đồi núi, đó là ruộng bậc thang. Người Bru - Vân Kiều cũng giống những cư dân sống ở núi cao, vốn có truyền thống làm nương rẫy, trồng lúa lóc. Về sau, qua các cuộc gặp gỡ, tiếp cận và cả sự *giúp đỡ* của các điều kiện khác nhau trong đời sống hiện đại, họ đã dần chuyển sang làm ruộng nước ở các vùng thung lũng hẹp và ruộng bậc thang trên các sườn đồi. Truyện cổ Bru - Vân Kiều vẫn còn kể lại đến nay lối canh tác nương rẫy xa xưa của tổ tiên họ, như một kỷ ức chưa phai mờ, như một nghi thức biểu trưng sự thích nghi của tâm thức thân thể với tâm thức vũ trụ.

**2. Luân canh trên nương rẫy, nghi thức của người Bru - Vân Kiều trong truyện cổ****2.1. Luân canh trên nương rẫy**

Sống trên địa hình núi đồi có độ dốc lớn, cũng như các tộc người Trường Sơn - Tây Nguyên, người Bru - Vân Kiều không thể làm ruộng nước với phương thức dẫn nước vào đồng. Sự biến đổi với hình thức ruộng bậc thang cũng không hoàn toàn hợp lý, khi nước tưới sẽ rửa trôi lớp màu ít ỏi của đất. Vùng sườn đồi ở đây phần lớn là đất sỏi, độ nén thấp, vì thế độ bám cũng yếu. Nước ruộng nếu dẫn vào để tưới thì khi tháo ra sẽ mang theo cả chất dinh dưỡng. Khi đó cây lúa và hoa màu không phát triển được. Những nơi đất cát thì tình hình rửa trôi càng trầm trọng. Đất badan, ngược lại rất giàu dinh dưỡng, nhưng độ nén cao nên thoát khí kém, nếu dẫn nước ngập chân lúa lại dễ bị úng. Vùng đất này, vì thế chỉ thích ứng với nương rẫy ruộng khô. Đây là lựa chọn thích nghi của con người (tiểu vũ trụ) với không gian cảnh quan (đại vũ trụ) mà họ cư ngụ.

Tuy nhiên, lựa chọn xa xưa ấy của người Bru - Vân Kiều đã được/ bị hấp thụ phương thức canh tác lúa nước từ người Kinh, trong tư duy “thiểu số cần tiến kịp đa số”. Vì vậy mà thực tế ngày nay, các nhóm người Bru sống ở núi rừng Trường Sơn không còn nhiều nương

\* Tác giả liên hệ

Đàm Nghĩa Hiếu

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: dnhieu@ued.udn.vn

rẫy nữa, họ đã chuyển sang trồng lúa nước trong các thửa ruộng thung lũng hay ruộng bậc thang hay trồng cây công nghiệp có nhiều giá trị kinh tế hơn, nhưng lối canh tác nương rẫy vẫn không thể bị xóa sổ hoàn toàn khỏi đời sống của họ. Bởi vì, với cư dân sống ở miền rừng núi, canh tác nương rẫy vẫn là phương thức tối ưu trong điều kiện dân số vừa phải. Và rõ ràng, bộ tộc của họ, tổ tiên của họ đã nhờ lúa rẫy, bắp rẫy mà duy trì hiện hữu dài lâu. Trong tâm thức họ, nương rẫy không chỉ là một phương thức mưu sinh mà còn là sự chọn lọc (tự nhiên và không tự nhiên) trong di truyền tinh thần của tộc người.

Trong tư duy “thiếu số cần tiến kịp đa số” (Phạm et al., 2016), ở Việt Nam, một số người Pháp trước đây và người Kinh sau này đã nhìn về các tộc người thiểu số, đặc biệt là các tộc canh tác nương rẫy và săn bắt, hái lượm, như là những bộ tộc lạc hậu, tri tri, và vì vậy cần được “giúp đỡ”, “khai sáng” để tiến kịp đa số. Trong khi, mỗi tộc người với một địa bàn cư trú riêng, địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu và mọi điều kiện tự nhiên đều khác nhau thì sẽ trải nghiệm những hoàn cảnh khác nhau, tích lũy những kinh nghiệm thực hành, những phương thức thích ứng và duy trì đời sống khác nhau. Sẽ là rất khó để cư dân sống ở vùng đồi núi làm lúa nước như cư dân sống ở vùng đồng bằng. Sự thật là ở những cộng đồng dân cư nhỏ hoặc vừa phải, lối canh tác ruộng khô thuận theo tự nhiên đã đạt được năng suất và sản lượng đều người ngang bằng, thậm chí nhiều hơn so với làm lúa nước. Nhóm Phạm Quỳnh Phương đã chứng minh điều này trong *Thiếu số cần tiến kịp đa số*.

Truyện cổ Bru - Vân Kiều kể về không gian của họ với núi đồi, rừng cây, con nước, suối khe và nương rẫy. Canh tác nương rẫy là cách họ tìm thấy sự tương thích giữa không gian tại thân với không gian vũ trụ. Sự xen đan, nối kết giữa các vùng không gian đã minh chứng ngầm cho mối liên hệ đặc biệt này. Sự gắn kết không gian soi chiếu từ sự gắn kết thân thể, con người lắng nghe và thấu hiểu không gian của mình. Lựa chọn phương cách thích ứng với hoàn cảnh sống là kinh nghiệm tuyệt vời nhất mà con người có được sau hành trình lịch sử đã qua.

Địa hình đồi núi vùng Trường Sơn Bắc, nơi cư trú chủ yếu của người Bru - Vân Kiều hầu hết là đồi núi với độ cao trung bình trên 1000m, độ dốc khá lớn, núi xếp chồng với vùng chuyển tiếp là những thung lũng rất nhỏ

và hẹp. Thổ nhưỡng không màu mỡ, phân chia làm nhiều mảng đất đai khác nhau, đất badan cũng có, đất sỏi cũng lắm và đất cát cũng nhiều. Điều này càng gắn chặt họ với lối canh tác nương rẫy, chuyển canh.

Trong truyện cổ Bru - Vân Kiều, nương rẫy ngoài chức năng quan trọng nhất là đem lại lương thực nuôi sống con người, còn góp phần vào cảnh quan chung của thế giới tộc người. Với họ, nương rẫy như là một dấu chỉ nhận diện căn cước tộc người: “Bản lạ này không có nương rẫy gì” (*Pí trớ Pí Cula*) (Mai, 1978, 251), nương rẫy quyết định nguồn sống: “Hai người về đến đất thì đất không còn. Tất cả đất mềm, đá nhỏ đều bị nước cuốn đi về đâu mất. Nhìn đâu cũng thấy toàn đá là đá. Không có đất làm nương rẫy thì chết đói mất” (*Nguồn gốc loài người*) (Mai, 1974, 27). Sự hiện hữu và đời sống của họ là hệ quả của rẫy nương, là lúa bắp, hoa màu kết thành từ máu thịt của rừng, nước của núi, mưa của trời. Đi đâu xa, họ bằng cách nhìn vào nương rẫy mà nhận người quen, người lạ. Đối với họ, nương rẫy đã trở thành một mật hiệu nội tộc, im lặng đầy thỏa thuận và thông đồng.

Canh tác nương rẫy là cách mà người Bru - Vân Kiều được chia sẻ cuộc sống từ tự nhiên. Họ buộc phải tôn trọng sự cân bằng như là giữ gìn mối thâm tình với người bạn vĩ đại. Để thực hành điều này, chuyển rẫy là một khâu quan trọng. “Người theo con nước lên cao mãi, cao mãi, không còn biết đâu là bờ là bến, đâu là nương cũ, rẫy mới” (*Nguồn gốc loài người*) (Mai, 1974, 26). Cư dân nương rẫy, họ có nhiều rẫy, nhiều nương, và nhiều nhà: “đẵn cây ở rẫy mới, nhặt củi ở rẫy cũ” (*Ta-lăn Ta-lê*) (Mai, 1974, 91). Tuy nhiên không phải họ cứ trôi mãi trong không gian, mà là họ sống, di chuyển trong không gian rộng lớn của họ. Việc chuyển rẫy, chuyển nương bắt buộc phải thực hiện khi đất đã bạc màu. Họ không được phép làm cạn kiệt đến tận cùng những mảnh đất, mảnh rừng, mảnh rẫy của mình. Họ phải biết lúc nào đất của họ cần được nghỉ ngơi để phục hồi sau những mùa đơm hạt. Đó là một thỏa thuận với tự nhiên trong mối liên kết dài lâu.

Nương rẫy thiết thân như là sự sống còn của con người, nên kỹ năng làm nương rẫy góp phần quan trọng tạo nên giá trị cá nhân của cộng đồng: “một cô gái đẹp, làm rẫy làm nương rất giỏi” (*Ai Ca đeng*) (Mai, 1974, 71); “Con út tôi đẹp trai không kém gì Ra Xứt, chặt cây, làm rẫy không biết mỏi tay” (*Anh Ra xứt*) (Mai, 1985b,

37). Biết làm nương rẫy là biết làm ra lúa bắp, hoa màu, làm ra sự sống, và đặc biệt, phải biết vận hành nhịp nhàng mọi thỏa thuận trước tự nhiên. Điều đó đảm bảo cho sự sinh tồn lâu dài của cả tộc. Cá nhân biết cách đối đãi và ứng xử trước tạo hóa là thái độ cần trọng gìn giữ và duy trì đời sống của cộng đồng tương lai.

Cuối cùng, người Bru - Vân Kiều đã dùng mùa rẫy làm đơn vị đếm thời gian, một trong hai trục vũ trụ của họ. Họ tính tuổi của con người theo mùa rẫy, ghi nhớ những sự kiện đặc biệt theo mùa rẫy, đó là thời gian thiêng liêng, thời gian của dành dụm, hi vọng và mong chờ, thời gian của no đủ, của sự sống và sinh sôi: “qua mười mùa rẫy, Cù tốt lớn cao ngang vai ông Ca đưng” (*Cha con Tiều Cù tốt*) (Mai, 1985a, 147), “Mới qua hai lần đổi rẫy, chú đã biết vót mũi tên, kéo dây nả” (*Chàng rể Cóc*) (Mai, 1974, 187), “Cha bảo phượng hoàng đợi một mùa rẫy sau rồi cưới” (*Chuyện hai anh em mỏ côi*) (Mai, 1974, 91). Cuộc đời của họ, cuối cùng cũng xoay quanh mùa rẫy, niềm vui nỗi buồn cũng từ đây mà thành, ước mơ và ý chí cũng sinh ra từ rẫy. Mờ mắt thấy nương rẫy, khi không thấy nương rẫy nữa là đã đi trọn vòng đời. Mùa rẫy trở thành thời gian chảy trong máu, trong tâm linh của họ.

Nhà địa lý nhân văn Pierre Gourou, chuyên gia lớn về nghiên cứu nông thôn Châu Á, đã nhấn mạnh trong công trình chủ chốt *Sử dụng đất ở Đông Dương thuộc Pháp*: “Hệ thống làm ‘rẫy’ không phải là vụng về; quả thật là nó nhằm thực hiện luân canh trong một chu kỳ dài... Hệ thống rẫy không cho phép tập trung mật độ dân cư cao, nhưng nó bảo vệ đất vì những mảnh đất không cày xới bị xói mòn nhẹ và ngay từ năm thứ hai trên đất đó đã mọc lại một vài bụi cây nhỏ, và vì sự tái sinh của rừng đã ngăn cản quá trình đá ong hóa” (Mai, 1986). Có những vùng đất bazan rộng lớn ở Trường Sơn đã gánh chịu quá trình ong hóa vì phơi mình trần trụi trong không khí và mưa nắng. Chất màu bị rửa trôi và mất nước làm cho đất khô cằn và vỡ vụn thành đá ong, không còn khả năng trồng trọt. Để thấy rằng, những cư dân của núi rừng đã sống rất lâu đời ở đây, họ hiểu được tiếng nói của rừng, của đất và đã đạt được những thỏa thuận tuyệt vời cho sự sinh tồn thiêng liêng của thế giới tự nhiên, trong đó có con người.

Nhiều nhà dân tộc học đã chứng minh rằng nương rẫy chỉ động chạm đến rừng dày một cách ngoại lệ, những dãy núi có rừng rậm được coi là nơi cư ngụ của thần linh. Jean Boulbet còn đi xa hơn. Ông coi việc duy

trì độ che phủ của rừng là một yếu tố cần thiết cho nương rẫy: “Chỉ có thể gọi là nông dân chân chính của rừng những ai có thể và biết quản lý tài sản rừng bằng cách duy trì tiềm năng nông nghiệp và sức mạnh hồi sinh của nó” (Guéin, 2013). Georges Condominas giải thích rằng những người làm nương rẫy không phải là những kẻ du cư, vì chỉ trong trường hợp khủng hoảng, ví như chiến tranh hay dịch bệnh, còn thì những cuộc di chuyển chỉ thực hiện trong khung cảnh địa phận của làng (Condominas, 2008). Grant Evans cho rằng “Canh tác nương rẫy đã được rất nhiều cộng đồng văn hóa khác nhau thực hiện từ rất lâu, và vì vậy trên quan điểm lịch sử không nên coi đó là hình thức canh tác thô sơ và lạc hậu, mà nên coi đó là hành động khôn ngoan, rất phù hợp với vấn đề làm sao để duy trì việc canh tác được bền vững trên những lớp đất rừng kém màu mỡ” (Evans, 2001, 204). Georges Condominas cho rằng, “nương rẫy không phải chỉ là một loại hình sản xuất nông nghiệp, mà còn là một bộ phận hữu cơ của nền văn minh các tộc người vùng cao cho đến tận các khía cạnh tôn giáo và xã hội” (Condominas, 2008).

Canh tác nương rẫy có thể được xem như quá trình thực hành “thông điệp” từ thần linh của cư dân miền rừng núi, trong đó có người Bru - Vân Kiều. Đó là lựa chọn bước vào dòng chảy đầy quyền uy và quyền rũ của thế giới tự nhiên, là cách thích ứng đặc biệt của họ với môi trường sống. Họ đã tác động cho sự sống sinh thành từ đất, từ rừng và gìn giữ cho đất rừng ấy, núi đồi ấy sức sống tràn đầy dài lâu.

## 2.2. Làm nương rẫy, một nghi thức thiêng liêng

Người Bru - Vân Kiều cũng như nhiều tộc người khác sống ở vùng Trường Sơn, là những cư dân nương rẫy. Điều này lưu dấu một cách ám ảnh trong đời sống ngữ văn dân gian của họ, mà truyện cổ là một vết khắc đậm sâu. Người Bru nói đến nương rẫy của họ trong khi kể chuyện như là việc họ hằng ngày họ lên rẫy ra nương, không truyện nào là không có. Nương rẫy với họ trở thành điều thiêng liêng, niềm kiêu hãnh thầm lặng. “Khắp trên thế giới, nơi nào sản xuất sơ khai, đa số trường hợp là hòa canh... thường bảo lưu vết tích của xã hội nguyên thủy đáng lưu ý là vết tích của tôn giáo nguyên thủy” (Nguyễn, 2003, 657), như nghi lễ phồn thực, thái độ khấn nguyện với những lễ tiết tác động vào thiên nhiên. Theo Từ Chi, các tộc người ở Việt Nam nói riêng, và cả các tộc người Đông Nam Á, không có tôn giáo nguyên thủy, họ chỉ có tôn giáo nông nghiệp với

các nghi lễ mang dấu vết ma thuật và phồn thực.

Làm nông nghiệp nương rẫy thường trải qua bốn khâu: chọn giống, đốt rẫy; chọc lỗ, tra hạt; làm cỏ; thu hoạch. Trước hết là khâu đốt rẫy. Đốt rẫy là công việc nặng nhọc và quan trọng, thường là do đàn ông thực hiện: "...phát được một đám rẫy to, khi cây đã khô, vợ chồng mang lửa lên đốt rẫy. Con trăn bảo vợ dừng lại ở vùng rẫy cũ quang sạch, để riêng một mình nó đến đốt vùng rẫy mới" (*Talán Talê*) (Mai, 1978, 98). Đó phải là người có sức khỏe và có nhiều kinh nghiệm, phải biết chọn được ngày đốt rẫy, biết đoán hướng gió để chọn vị trí nhóm lửa sao cho không bị cháy lan ra phần đất mình đã cắm mốc (*chom xay*). Vì như vậy là xâm phạm đến những rẫy khác xung quanh, hay có thể chạm đến đất thiêng. Tội này sẽ bị phạt vạ rất nặng.

Nếu mảnh rẫy họ đang canh tác có dấu hiệu bạc màu, hoặc đến kỳ đổi rẫy, họ phải chọn đất rẫy khác. Đất được chọn là những sườn dốc có độ nghiêng vừa phải, làm sao để nước mưa có thể dễ dàng trôi đi nhưng vẫn hạn chế thấp nhất quá trình rửa trôi lớp mùn của đất. Tuy nhiên, đất ấy cũng không quá dốc, vì dễ bị sạt lở. Tốt nhất là nơi quang rạng, nhiều nắng, nhiều cây bụi và gần nguồn nước: "đến một đỉnh đồi bốn bề quang quẻ, T.ré bảo: - Đất Dàng cho ta ở đây rồi... Theo từng đường mây bị vặn xoắn nước tuôn ra ào ào, ướt tràn cả bốn triền núi, chảy thành dòng quanh co tạo ra những con suối, con khe đầy ắp nước" (*Niêng T.ré*) (Mai, 1978, 183). Chọn đất rẫy, người ta tuyệt đối không xâm hại đến rừng thiêng, rừng cây lớn, rậm rạp, đất Dàng, hay rừng chung của bản làng; càng không được xâm phạm đến rừng ma. Trong những trường hợp có dấu báo không lành, như trên vùng đất ấy có con chuột, cây bị sét đánh, xác chết của thú rừng thì họ cũng phải bỏ đất đó và đi nơi khác. Nếu không có các dấu hiệu trên, đêm đó họ về nằm mộng, nếu thấy máu, gà trống, lửa thì đất đó xấu, không canh tác được. Khi nào họ nằm mộng thấy trẻ con, sinh nở, tức các dấu hiệu sinh sôi, thì xem là điềm lành và mới yên tâm phát rẫy. Người Bru - Vân Kiều có xu hướng tìm đất rẫy cạnh các nguồn khe, suối. Trong tâm thức họ, nước là năng lượng thiêng, với quyền năng kiến tạo sự sống. Họ chọn mảnh rẫy gần nguồn nước để đất trồng và hạt giống hấp thụ năng lượng thiêng mà sinh sôi nảy nở.

Khi đã chọn được đất rẫy, đầu tiên họ đốn cây trên bề mặt mà họ dự định trồng trọt: "đốn cây phát rẫy", rồi

để cho cây cối mới chặt xuống khô đi dưới nắng mặt trời. Sau đó, họ đốt lửa để cỏ và cây bụi cháy rụi thành tro than, làm mùn cho thâm gieo trồng sắp tới. Những cành cây không cháy hết thì họ nhặt về làm củi đốt: "Xadie lo đi nhặt cành vụn, bẫy cây trên rẫy còn nồng khét hơi cháy", "Hơi nóng của vùng đất rẫy mới đốt cùng với cái nắng lóa vàng thiêu đốt làm Xadie có lúc loạng choạng" (*Rúrooc Xadie*) (Mai, 1978, 62). Những thân cây to thì họ kéo về để dành làm nhà, hay đeo ra làm các vật dụng như cối, chày, hay đóng cả hàng rào, cột mốc cho đám rẫy vừa dọn xong. Khi mảnh rẫy đã sẵn sàng, người ta sẽ bắt đầu gieo hạt. Ở một đám rẫy mới, họ thường tria bầu, bí đầu tiên: "Hai người nên vợ nên chồng, dựng nhà, phát rẫy bên triền khe có bốn mùa gió hát bên bờ lau, chim ca bên rừng rậm. Một hôm Xadie tria bí" (*Rú rooc, Xadie*) (Mai, 1978, 68). Người ta cho rằng, các loại cây họ bầu bí có bộ rễ rộng và khỏe, nó sẽ giúp giữ đất bề mặt và đất nền tốt hơn. Nhớ về câu chuyện suy nguyên *Nguồn gốc loài người*, loài người sinh ra từ quả bầu: "Ngay giữa vùng đất còn cháy sém như da voi, khét nặc đến tức thở ấy bỗng mọc lên một cây bầu kì lạ" (*Nguồn gốc loài người*) (Phạm et al., 2016, 30). Không loại trừ khả năng trong tâm thức họ có một vùng mờ kết nối với tổ tiên rất xa xưa là bầu bí: Khi dây bí trở ngọn và bắt đầu bò thì người ta mới tria lúa: "- Hạt bí ơi! Ta tria mà xuống đất. Ta mong mà nảy mầm lên cây. Ta trông mà lớn nhanh thành dây bí dài mãi, để mà bò về tận nơi bản cũ quê cha" (*Rúrooc Xadie*) (Mai, 1978, 68). Việc trồng bí bầu khai rẫy là hành động bắt chước tổ tiên. Ma thuật đồng hóa này sẽ chuyển hóa năng lượng thiêng từ tổ tiên vào người chủ rẫy và đất rẫy.

Người Bru - Vân Kiều làm lúa lóc trên rẫy khô theo phương thức chọc lỗ tra hạt. Bản thân hành động chọc lỗ bằng ống tre hay cọc gỗ đã mang ý niệm và năng lượng phồn thực. Công việc này thường do đàn bà đảm nhiệm: "- Việc chặt cây, dọn cành vát và đã xong, nay đến lúc chọc lỗ, gieo hạt là việc của đàn bà" (*Vợ chồng Ta-năng*) (Mai, 1986, 47). Họ dùng một ống tre ngắn hay một cây gỗ vát nhọn để chọc lỗ, tra hạt giống xuống và sau đó lấp lỗ bằng chính dụng cụ ấy, ùi đất từ phía miệng lỗ xuống che hạt giống lại: "anh đổ lúa giống vào a-giăng, vót nhọn chiếc cọc dùi trao cho vợ... anh sẽ đến đàng kia biên rẫy, chọc tria lúa và đi dần mãi lại" (*Vợ chồng Ta-năng*) (Mai, 1986, 48). Đàn ông ít khi tham gia việc gieo hạt. Tuy nhiên, khi họ cùng làm với vợ,

hay người phụ nữ trong gia đình, thì họ sẽ đi từ phía đối diện, để khi hoàn thành thì hai người nam và nữ giáp mặt nhau. Đây là dấu vết của lễ tiết trong nghi lễ phồn thực. Người Bru - Vân Kiều có thói quen trộn lẫn hạt giống hoa mào gà với hạt lúa giống để gieo trồng. Khi nhìn thấy hoa mào gà nở đỏ rực rỡ, người ta biết vụ mùa năm đó được bội thu. Đây có lẽ là hình ảnh đã cải biến của nghi lễ tria lúa. Trong nghi lễ này, chủ rẫy, hoặc chủ làng sẽ làm nghi thức hiến sinh, và lấy thịt (đã phân nhỏ) cùng với máu của người hay con vật (lễ vật) ném khắp nơi trên mặt rẫy, với ý nghĩ máu và thịt rơi ở đâu, ở đó bông lúa sẽ trĩu hạt và căng mẩy. Người Bru - Vân Kiều đã thực vật hóa phẩm vật của nghi lễ này bằng hạt giống hoa mào gà, với đặc điểm tương đồng về màu sắc.

Công việc chăm sóc nương rẫy sau khi gieo trồng khá đơn giản, hầu như chỉ cần làm cỏ. Người phụ nữ dùng cái a-riem, một dụng cụ như cái liềm ở miền xuôi nhưng nhỏ hơn, để đào nhỏ cỏ mọc lẫn trong rẫy lúa ngô của họ, và có lẽ, việc này cần làm thường xuyên, để đảm bảo cỏ không chiếm hết phần dinh dưỡng trong đất. Họ dành dùm đất màu cho cây lúa, cây ngô, cây hoa màu, gai sợi... và cho cả mùa sau. “Ngày ngày vợ chồng A Chung địu con lên nương phát cỏ cho lúa, cho ngô” (*Ta-lăn Ta-lê*) (Mai, 1978, 100). Việc quan trọng nhất trong vụ mùa của họ có lẽ là giữ rẫy: “Đến mùa lúa chín, bố mẹ bảo Niềng T.rê đi giữ chim ngoài rẫy” (*Niềng T.rê*) (Mai, 1978, 182). Người ta thường dựng một cái chòi giữa rẫy, để ngày ngày ra đây coi sóc, vào vụ mùa, họ có thể ở hẳn ngoài này để canh chừng chim thú: “Chẳng mấy chốc, anh mở còi đã đến một rẫy lúa đang độ chín vàng. Cả sườn đồi rực lên một màu nắng thơm tho. Chính giữa rẫy có một cái chòi con. Từ đó vọng lại tiếng đuôi chim nghe trong như tiếng chim từ qui” (*Chuyện con voi hai vòi tám gà*) (Mai, 1978, 199). Những công việc này ít mang dấu vết của lễ tiết. Tuy nhiên, riêng cái chòi giữ rẫy có thể là dấu vết của nghi lễ phồn thực trong tôn giáo nông nghiệp. Trong đó, mảnh rẫy và chòi giữ rẫy là hình tượng của/ về sinh thực khí âm và sinh thực khí dương.

Ngoài việc bảo vệ cho cây trồng, họ không chăm sóc gì thêm. Kể cả tưới nước. Người ta chỉ trông đợi vào nguồn nước ngầm và nước mưa. Vì vậy, mưa vô cùng quan trọng. Những năm trời làm hạn hán, người ta sẽ thực hiện nghi lễ cầu mưa. Người ta tin rằng, vì con người đã làm trái ý Dàng nên bị trừng phạt. Khi thành tâm nhận lỗi và cầu xin thì sẽ được Dàng cho nước. Có

khí là do ma quỷ quấy phá, ngăn nước về sông. Họ đều phải thực hành nghi lễ cầu mưa và hiến tế bằng người sống: “Con quý ca-lang đang chắt núi chắn khe làm khô nguồn nước, làm con người chết khát, lúa khoai chết khô, cỏ cây chết cháy. Quý ca lang bắt dân bản phải đem con gái, trẻ con đến nộp thịt cho nó. Ngày nào có thịt, nó mở khe núi cho nước xuống đủ uống một ngày, sau đó khe núi lại khép kín” (*Cha con Tiều Cù tốt*) (Mai, 1978, 150). Nghi lễ hiến tế người sống trong các vụ mùa là ma thuật nông nghiệp của nhiều tộc người trên thế giới (Frazer, 2007, 679-712). Dấu vết hiến tế trinh nữ và trẻ con trong truyện cổ Bru - Vân Kiều không còn giữ lớp ý nghĩa thần linh hóa nạn nhân, chỉ còn ý nghĩa của ma thuật trao đổi - không chỉ trao đổi những phẩm chất thể xác mà còn trao đổi cả những phẩm chất tinh thần và năng lượng thiêng của vật phẩm (trinh nữ, trẻ con).

Đến kì thu hoạch chính, người ta vui vẻ mang gùi ra rẫy để tuốt lúa đem về. Có truyện kể về cây lúa rằng, khi xa xưa, “Dàng cho người Vân Kiều giống lúa tốt, trổ bông, chín hạt to như củ môn. Đến khi thu hoạch, chỉ cần lấy dây bắc ngang từ rẫy về nhà, thế là hạt lúa rủ nhau theo dây về nhà. Một năm được mùa, hạt lúa thi nhau về nhà rộn ràng, chớ thấy sủa dò lên, các hạt lúa sợ lỏng lên đứt dây, rơi xuống trúng vào đá vỡ tan thành từng hạt nhỏ. Từ đó hạt lúa mới nhỏ cho đến nay” (*Sự tích hạt lúa nhỏ*) (Đình, 2010, 47). Và từ đó lúa cũng không tự về nhà nữa. Khi lúa chín người ta phải ra rẫy bứt từng hạt bỏ vào gùi mang về. Truyện kể này có thể là nỗi nhớ về thời kì trồng trọt xa xưa nhất trong lịch sử loài người, khi ấy họ trồng củ và nhiều nhất là củ môn (Nguyễn, 2003, 656).

Trong khi thu hoạch (thông tin thăm hỏi thực địa), hay đầu mùa tuốt lúa (dấu vết trong truyện), họ chọn những bông lúa đẹp nhất, hạt chắc mẩy nhất, để dành những chiếc a-ruông thờ hồn sống của các thành viên trong gia đình, cũng là kho thóc. Rất quan trọng trong vụ mùa của họ là việc đưa lúa vào kho. Nên trước đó, khi tria lúa xong, họ phải làm nhà cho lúa: “Đêm ấy đưa cháu gối đầu lên gác nai nằm ngủ mơ màng nghe gác nai báo: - Rẫy nhiều rồi, giống cũng nhiều rồi. Anh tria xong thì làm ngay tám cái nhà kho đựng lúa” (*Đôi gác nai thần*) (Mai, 1974, 108). Sau khi đưa lúa vào kho, để bảo vệ lúa suốt cả năm sau đó, họ thực hiện một nghi lễ, có dấu vết rất mờ của hình ảnh bà Mẹ lúa (*yang tro*).

Đó là bó lúa đã chọn trong mùa gặt. Trong truyện, hình ảnh bó lúa này lại hóa thân thành đôi gạc nai: “Họ vào kho thấy toàn là thóc. Nhưng ở góc kho có đôi gạc nai hôi thối. Cả tám người vợ tưởng chồng để quên đôi gạc nai hôi thối nên cùng nhau đem gạc nai ném xuống vực khe gần đó. Từ khi ném gạc nai đi thì thóc họ ăn chóng hết quá” (*Đôi gạc nai thối*) (Mai, 1974, 109). Gạc nai này lại là hóa thân của người bà quá cố. Có thể, đôi gạc nai là hiện thân khác của Mẹ lúa.

Các lễ tiết trong nghi lễ của Mẹ lúa ở người Bru - Vân Kiều không còn hiện diện rõ ràng trong truyện cổ, mà ẩn mình trong nhiều đứt gãy: “Lúa rẫy anh mò côi chín sớm hơn lúa ở mọi rẫy khác, nên bị bò tót (vợ anh mò côi) phá mất nhiều. Mỗi lần nấu ăn, chị ta giữ kỹ nắm vung trên nồi, không cho ai sờ tay vào... bà nội liền mở vung, lé mắt nhìn vào nồi cơm đang sôi. Sự lạ quá: một nửa nồi đã thành cơm, nửa kia còn là một nắm thóc vàng” (*Nàng bò tót*) (Mai, 1978, 122); “lúc qua vùng rẫy lạ, niêng T.ré nhặt mang đi tám bông lúa. Mỗi ngày hai vợ chồng chỉ ăn hết một hạt thóc vừa đủ no” (*Niêng T.ré*) (Mai, 1978, 183). Đây là quyền năng của Mẹ lúa khi vào mùa, cắt lúa sớm, những bông lúa đầu tiên, và tự nấu thành cơm. Mẹ sẽ tự tay hoàn thành tất cả các khâu để có được cơm từ hạt lúa ngoài rẫy. Đây là dấu vết rời rạc của chuỗi nghi lễ hoàn tất vụ mùa rất xa xưa đã bị đứt gãy.

### 3. Kết luận

Người Bru - Vân Kiều lựa chọn cuộc sống giữa núi rừng với những cộng đồng nhỏ, ban đầu cư trú theo dòng họ (*mở*), và canh tác nương rẫy. Lối canh tác này kích hoạt trong tâm thức họ nguồn năng lượng kết nối với tự nhiên. Đó là mối liên hệ ràng buộc linh hoạt. Nương rẫy là cách mà họ trải nghiệm và thể hiện sự thích ứng giữa tâm thức không gian thân thể với tâm thức không gian vũ trụ. Với một số dân ổn định thì canh tác nương rẫy với kinh nghiệm gieo trồng và cho đất nghỉ ngơi vẫn đem lại một cuộc sống an ổn, không phải lúc nào cũng có tích lũy, nhưng cũng không lúc nào phải đói kém. Kinh nghiệm làm nương rẫy, với họ, là nghi thức thiêng liêng, với các “nghi lễ nông nghiệp ở cư dân nương rẫy không có vật lễ, nó gắn với vũ trụ luận trong thần thoại” (Nguyễn, 2003, 663). Họ hướng tới việc hấp thụ các năng lượng thiêng, hay tạo ra năng lượng sinh nở từ các hành vi mang ý niệm phồn thực và

hoàn tất cuộc chuyển hóa bằng ma thuật trao đổi. “Một nghi lễ nông nghiệp sơ khai đến mức không cần có nghi thức tách khỏi hoạt động lao động, mà thắm vào quy cách, tư thế, động tác lao động. Không có động tác, tư thế, vị trí để thực hiện nghi lễ, không đòi hỏi một bài khấn nào cả” (Nguyễn, 2003, 460).

Người Bru - Vân Kiều đã di cư từ vùng đất thấp đến vùng núi cao Trường Sơn với mọi điều kiện, cảnh quan đều thay đổi. Con người, trong tương quan vũ trụ, vì thế cũng đổi thay để thích nghi. Cách thể hình dung và nhận diện bản thể, nhận diện sự sống được chuyển hóa theo không gian rừng núi và chịu sự thôi thúc của năng lượng thiêng cổ mẫu. Thế giới Bru - Vân Kiều khép vòng theo năng lượng nước, trong không gian ấy, họ thích nghi bằng cách học hỏi và thực hành một kinh nghiệm mới, kinh nghiệm làm nương rẫy thông qua nghi lễ, thông qua sự thỏa thuận tâm linh.

### Tài liệu tham khảo

- Condominas, G. (2008). *Chúng tôi ăn rừng* (N. Nguyễn, T. L. A. Trần, N. H. Phan, T. H. Trịnh, & T. P. Nguyễn, Trans.). Thế giới.
- Đình, T. D. (2010). *Văn hóa dân gian Bru - Vân Kiều, Chứ ở Quảng Bình. Tập 1*. Thuận Hóa.
- Evans, G. (2001). *Bức khảm văn hoá châu Á: Tiếp cận nhân học* (X. P. Cao, Trans.). Văn hoá Dân tộc.
- Frazer, J. G. (2007). *Cành Vàng - Bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy* (B. L. Ngô, Trans.). Văn hóa thông tin.
- Guéiin, M. (2013). *Chính quyền thuộc địa Pháp trước thực trạng đốt nương làm rẫy ở Đông Dương (tiếp theo)* (H. Đào, Trans.). Trang tin điện tử Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. <http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Chinh-quyen-thuoc-dia-Phap-truoc-thuc-trang-dot-nuong-lam-ray-o-Dong-Duong-Tiep-theo-1011>
- Hauteclouque-Howe, A. (2004). *Người Ê Đê, một xã hội mẫu quyền* (Nguyễn N. & Phùng N. C., Trans.). Văn hóa dân tộc.
- Mai, V. T. (1974). *Truyện cổ Vân Kiều*. Văn hóa.
- Mai, V. T. (1978). *Truyện cổ Vân Kiều*. Văn hóa Dân tộc.
- Mai, V. T. (1985a). *Prnhia đi học khôn*. Măng Non.
- Mai, V. T. (1985b). *Truyện cổ Vân Kiều*. Văn hóa Dân tộc.
- Mai, V. T. (1986). *Con voi thần*. Thuận Hóa.

Morin, E. (2015). *Phương pháp 5: Nhân loại về nhân loại, bản sắc nhân loại* (T. Á. Chu, Trans.). Tri Thức.

Nguyễn, T. C. (2003). *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*. Văn hóa dân tộc.

Phạm, Q. P., Hoàng, C., Lê, Q. B., Nguyễn, C. T., & Mai, T. S. (2016). “*Thiếu số cần tiến kịp đa số*”: *Định kiến trong quan hệ tộc người ở Việt Nam*. Thế giới.

## **CROP ROTATION IN MOUNTAIN FIELDS - A RITUAL OF THE BRU - VAN KIEU ETHNIC GROUP IN TALES**

**Dam Nghia Hieu**

*The University of Danang - University of Science and Education*

**Abstract:** The Bru - Van Kieu ethnic group inhabit high mountains and their livelihood is based on mountain agriculture. Their tales tell of their ancestors' crop rotation method as a ritual. That is how they reached an agreement with the world of nature for long-term survival. In Bru Van Kieu's consciousness, mountain fields are projections of the universe, which serves both as a time measurement and a space measurement. The Bru-Van Kieu people practise mountain agriculture through four phases: selecting soil, burning fields; pricking holes, planting seeds; weeding, harvesting. The rituals corresponding to these phases include those of choosing mountain fields, burning dates, opening the fields, sowing seeds, praying for rain and rice Mother. They practise primitive agricultural rites based on the notion of fertility, where the ritual acts have not been separated from labour activities but embedded in the procedures, postures and movements of labour.

**Key words:** crop rotation; mountain fields; rituals; Bru - Van Kieu; tale.